

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2021/DS-ST**

Ngày 18 - 11 - 2021

V/v Tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Ông Dương Việt Khái – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2021/TLST-DS ngày 07/5/2021 về việc “*Tranh chấp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2021/QĐXXST-DS ngày 02/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 490/2021/QĐST-DS ngày 22/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số: 16/TB-TA ngày 15/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 695/2021/QĐST-DS ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Bích P, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đinh Thanh T – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh – Hành nghề tại Chi nhánh văn phòng luật sư T.

Địa chỉ: Số 56/6, L, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Hồng U, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà P, bà Đ, luật sư T có mặt. Bà U vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:** Vào ngày 24/8/2016 âm lịch bà P có mở 01 dây hụi loại 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 28 chung (ngày khui hụi là ngày 24 còn ngày gom hụi là ngày 04), bà Đ tham gia chơi 02 chung (lý do trước đây là bà Đ nói chơi dùm bà U 01 chung, nhưng bà U không thừa nhận có nhờ bà Đ tham gia chơi hụi dùm và quá trình thực hiện giao dịch hụi thì bà Đ là người trực tiếp đóng hụi, bỏ hụi và hốt hụi nên bà P xác định bà Đ chơi 02 chung). Sau khi khui hụi bà Đ bỏ hụi kỳ đầu tiên giá 350.000 đồng thì được hốt, số tiền bà Đ được hốt lâu quá không nhớ, bà P là người trực tiếp giao tiền hụi cho bà Đ nhận (nhưng không có làm biên nhận), đến kỳ thứ 2 và kỳ thứ 3 thì bà Đ là người trực tiếp đóng hụi (bà P đến nhà bà Đ gom và không có làm giấy tờ gì), đến kỳ thứ 4 thì bà Đ tiếp tục đi bỏ hụi giá 440.000 đồng thì trúng thăm hốt (bà Đ bỏ chung hụi chơi dùm của cho bà U), số tiền hốt hụi bao nhiêu không nhớ, nhưng đã giao rồi cho bà Đ nhận (nhưng không có làm biên nhận). Từ khi khui hụi cho đến khi mãn hụi thì bà U không có trực tiếp đóng hụi, bỏ hụi và cũng không có nhận tiền hụi được hốt. Sau khi hốt hết 02 chung hụi thì bà Đ là người trực tiếp đóng hụi chết của 02 chung hụi đã hốt cho bà P đến ngày 04/12/2017 âm lịch thì bà Đ không đóng hụi nữa. Dây hụi này hiện nay đã mãn và bà P đã xuất tiền ra đóng hụi thay cho bà Đ ở 02 chung hụi với số tiền 22.000.000 đồng và đã hoàn thành nghĩa vụ đầy đủ với các hụi viên (trong đó 01 chung hụi bà P đã khởi kiện bà Đ và đã được Tòa án giải quyết tại bản án số: 165/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau). Còn lại 01 chung bà P khởi kiện bà U nhưng bà U xác định không có nhờ bà Đ chơi hụi, và hụi do bà Đ là người hốt và nhận tiền nên bà P khởi kiện lại bà Đ. Trong danh sách hụi 02 chung hụi bà Đ tham gia chơi và tham gia chơi dùm để tên “6 Đ thứ tự số 10”, “U 6 Đ thứ tự số 22”. Khi mở hụi thì có giao danh sách hụi cho các hụi viên trong đó có giao cho bà Đ (nhưng không có gì chứng minh). Đồng thời, bà P xác định trước đây có yêu cầu Tòa án xác minh các hụi viên tham gia chơi hụi chung, nhưng hiện nay các hụi viên 01 số thì bỏ địa phương đi làm ăn không rõ ở đâu và 01 số hụi viên do thời gian chơi hụi đã diễn ra lâu nên không nhớ nên bà P không có yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ gì thêm vì đã có bà Lê Ngọc Á làm chứng cho bà P, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để xét xử vụ án.

Nay yêu cầu Tòa án buộc bà Đ trả số tiền 11.000.000 đồng.

- **Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:** Bà Đ thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian khui hụi, loại hụi là đúng. Bà Đ tham gia chơi với bà P chỉ 01 chung hụi, bà Đ bỏ hụi hốt kỳ đầu tiên giá 350.000 đồng và được hốt hụi số tiền 17.500.000 đồng, sau khi hốt hụi xong thì đến ngày 04/12/2017 âm lịch thì ngưng đóng hụi và chung hụi bà Đ hốt trong dây hụi này bà P khởi kiện và được Tòa án giải quyết rồi tại bản án số: 165/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Dây hụi này bà Đ tham gia thì không có nhận danh sách hụi từ bà P đưa. Bà Đ và bà Lê Ngọc Á không có mâu thuẫn gì, bà Á là hụi viên tham gia chơi cùng với bà Đ ở dây hụi có tranh chấp này. Bà Đ xác định chỉ có chơi 01 chung hụi chứ không có chơi 02 chung hụi và cũng không có tham gia chơi dùm bà U chung hụi nào. Bà Đ không có yêu cầu Tòa án xác minh ai về vấn đề gì,

nghĩa vụ chứng minh là phải của bà P, và yêu cầu bà P cung cấp giấy tờ tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Đ tham gia 02 chung hui và đã hót hết 02 chung hui.

Nay tôi không đồng ý trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày tại phiên tòa, thể hiện: Thực tế bị đơn chỉ tham gia chơi 01 chung hui với nguyên đơn ở đây hui loại 1.000.000 đồng khui ngày 24/8/2016 âm lịch và đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử tại bản án số 165/2020. Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là không có căn cứ bởi không có chữ ký nhận hay thừa nhận nào của bị đơn đối với chung hui nguyên đơn khởi kiện, đối với lời khai của bà Á là không đúng sự thật và không khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán 11.000.000 đồng.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng Ư: Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án không ghi nhận được ý kiến, nhưng tại biên bản hòa giải (bút lục số 29) và biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ (bút lục số 44) ngày 17/12/2020 trong vụ án dân sự thụ lý số 625/2020/TLST-DS ngày 11/11/2020 thì ghi nhận được bà Ư xác định không có tham gia chơi hui và cũng không có nhờ ai tham gia chơi hui ở đây hui bà P khởi kiện và có yêu cầu xác minh bà Lê Ngọc Á ở ấp Rạch Ruộng B, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Lời trình bày của bà Lê Ngọc Á tại biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2021 (bút lục số 30) có tại hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 24/8/2016 âm lịch bà P có mở 01 dây hui, loại hui 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hui gồm có 28 chung, bà Á có tham gia chơi dùm em bà Á 01 chung. Trong dây hui bà Á có biết bà Đ tham gia chơi 02 chung, trong danh sách hui 01 chung hui bà Á chơi dùm để tên “Nhiên (Á)” ở số thứ tự 28, còn 02 chung hui bà Đ tham gia chơi để tên “6 Đ” ở thứ tự số 10 và “Ư (6 Đ)” thứ tự số 22. Từ khi khui hui cho đến khi mãn hui thì bà Đ là người trực tiếp giao dịch hui chứ bà Ư không có tham gia. Quá trình tham gia chơi hui thì bà Đ trực tiếp bỏ hui và hót hết 02 chung hui cụ thể vào ngày 24/8/2016 âm lịch bỏ giá 350.000 đồng và ngày 24/11/2016 âm lịch bỏ hui giá 440.000 đồng. Theo bà Á biết thì bà P đã chung tiền hui đầy đủ cho bà Đ nhận, thường thì bà P không có làm biên nhận cho hui viên nhận tiền ký tên. Dây hui hiện nay đã mãn và bà P đã hoàn thành nghĩa vụ chủ hui đối với các hui viên. Bà Á biết bà Đ còn nợ tiền hui bà P nhưng không biết ở dây hui nào và cụ thể bao nhiêu. Bà Á quen biết bà P và bà Đ qua việc chơi hui chứ không có quan hệ bà con họ hàng hay mâu thuẫn gì.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự. Mặc dù bị đơn không thừa nhận việc khởi kiện của nguyên đơn, nhưng dựa vào danh sách hui nguyên đơn cung cấp thì phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và bà Á, bị đơn cũng xác định là không có mâu thuẫn gì với bà Á, nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 11.000.000 đồng.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:*

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn xuất trình đơn yêu cầu luật sư và luật sư Đinh Thanh T xuất trình giấy giới thiệu luật sư, chứng chỉ hành nghề, thẻ luật sư đúng theo quy định và xác định việc vắng mặt bà U không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và cũng không có đề nghị hoãn phiên tòa để nghiên cứu hồ sơ vụ án mà vẫn đề nghị tiến hành xét xử. Nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Hội đồng xét xử xét thấy tại bản án số: 165/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thể hiện bà P xác định bà Đ chỉ tham gia chơi 01 chung ở đây hội loại 1.000.000 đồng khai ngày 24/8/2016 âm lịch và đã được xét xử xong, sau đó bà P khởi kiện bà U (con bà Đ) 01 chung hội trong đây hội này nhưng bà U không thừa nhận nên bà P khởi kiện lại bà Đ để yêu cầu trả tiếp tiền nợ hội ở chung hội bà P xác định bà U tham gia chơi. Qua làm việc và xác minh đối với bà Lê Ngọc Á là hội viên tham gia chơi chung ở đây hội bà P khởi kiện bà Đ hiện nay (bà P và bà U đều có yêu cầu xác minh bà Á ở trong vụ án dân sự thụ lý số 625/2020/TLST-DS ngày 11/11/2020) thì bà Á xác định bà Đ là người trực tiếp tham gia chơi hội và giao dịch hội cụ thể với bà P chứ bà U không có tham gia, đồng thời xác định bà Đ tham gia 02 chung hội trong danh sách hội đề tên “6 Đ” ở thứ tự số 10 và “U (6 Đ)” thứ tự số 22 và bà Đ trực tiếp bỏ hội và hốt hết 02 chung hội cụ thể vào ngày 24/8/2016 âm lịch bỏ giá 350.000 đồng và ngày 24/11/2016 âm lịch bỏ hội giá 440.000 đồng và bà P đã chung tiền hội đầy đủ cho bà Đ nhận, đồng thời xác định bà P đã hoàn thành nghĩa vụ chủ hội đối với các hội viên và có biết bà Đ còn nợ tiền hội bà P nhưng không biết ở đây hội nào và cụ thể bao nhiêu. Như vậy, bà Á xác định không có mâu thuẫn gì với bà Đ, bà P, và bà Đ cũng xác định không có mâu thuẫn gì với bà Đ, hơn nữa bà U (là con bà Đ) cũng có yêu cầu xác minh bà Á để làm rõ vấn đề hội có tranh chấp, nên có căn cứ khẳng định lời trình bày

của bà Á là hoàn toàn khách quan và trung thực để làm căn cứ xem xét nội dung tranh chấp giữa bà P và bà Đ trong vụ án này. Căn cứ vào lời trình bày của bà Á thì thực tế mặc dù danh sách hội không đề tên trực tiếp bà Đ tham gia chơi 02 chung mà có 01 chung đề tên (U' (6 Đ)) nhưng xác định được bà Đ là người trực tiếp tham gia bỏ 02 chung hội để hốt vào các ngày 24/8/2016 âm lịch bỏ giá 350.000 đồng và ngày 24/11/2016 âm lịch bỏ hội giá 440.000 đồng và đã nhận tiền hội từ bà P giao, nên có cơ sở để xác định bà Đ là người trực tiếp tham gia 02 chung hội ở đây hội loại 1.000.000 đồng khai ngày 24/8/2016 âm lịch do bà P làm chủ. Do đã chứng minh được bà Đ đã thực tế có tham gia 02 chung hội và đã được nhận tiền hội hốt từ bà Phương, nhưng bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh được đã thanh toán xong nghĩa vụ tiền hội đối với 02 chung hội đã hốt cho bà P (trong đó có 01 chung hội đã được xét xử tại 165/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau), nên có căn cứ khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hội theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Thực tế hiện nay, đây hội đã mãn và nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ của chủ hội cho các hội viên xong (trong đó có xuất ra khoản tiền 11.000.000 đồng đối với chung hội bà P khởi kiện trong vụ án này để đóng hội chết thay cho bị đơn theo các kỳ khai hội) và do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đóng tiền hội theo thỏa thuận giữa chủ hội và hội viên, nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hội 11.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hội là 11.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

[6] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn; đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Bích P.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Bích P số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Đ phải nộp là 550.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Bích P thuộc trường hợp được miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải